

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 897/2022/HC-PT
Ngày 15 tháng 11 năm 2022
V/v Quyết định hành chính về quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 474/2022/TLPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 713/2022/QĐPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1968, Địa chỉ: Số 247, ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà R: Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 443B, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn U - Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Bà Phạm Thị Hương G - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M (có mặt).

2. Ông Phạm Văn N1 - Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện M (có mặt).

3.1. Miếu An Đ. 3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện: Ông Võ Văn P, sinh năm 1940. Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị R1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt)

3.3. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 40/1, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3.4. Bà Huỳnh Thị R2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp Tân Hậu III, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà R1, bà N2, bà R2: Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 443B, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3.5. Ông Lê Tấn Đ (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ:

1. Bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1966 (có mặt)

2. Bà Lê Tân H, sinh năm 1983

3. Bà Lê Thị Kim B, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Số 243E/13, khu phố Mỹ Tân, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, bà H, bà B: Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 443B, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3.6. Ông Lê Văn L (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn L:

1. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1954

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông T: Ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 443B, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Bà Lê Thị Trúc L1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Người khởi kiện – bà Huỳnh Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, bà Huỳnh Thị R2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị R có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Đệ N trình bày :

Mẹ của bà Huỳnh Thị R là bà Lê Thị T1 (chết) từ trước năm 1975 là chủ sử dụng phần đất thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trên phần đất này trước đây mẹ của bà R có cất một miếu

thờ cho bà con thờ cúng tính ngưỡng tại địa phương có diện tích khoảng 80m², phần còn lại bà T1 trực tiếp quản lý sử dụng. Bà T1 có bốn người con gồm Huỳnh Thị R, Lê Thị R1, Lê Thị N, Huỳnh Thị R2.

Về nguồn gốc đất thửa 528, tờ bản đồ số 12 do ông nội bà T1 là ông Lê Đình L2 tạo lập, sau đó cha bà T1 là ông Lê Đình H1 tiếp tục quản lý sử dụng. Sau khi các cụ mất (chôn trên phần đất này) thì bà T1 tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi chết vào năm 2008. Hiện nay bà R đang tiếp tục quản lý sử dụng phần đất trên. Trên phần đất này có các cây trồng như dừa, nhãn, bưởi do bà T1 và bà R trồng, huê lợi do bà R hưởng.

Ngày 29/6/2020 do Hội miếu yêu cầu bà R đốn cây trồng trên đất đồng thời thông báo cho bà R là hội miếu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không cho bà tiếp cận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do không có ai báo, không có văn bản nào thông báo cho bà R biết là Hội miếu xã An Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau ngày hòa giải ngày 29/6/2020 hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã An Định bà R mới được nhận bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Hội miếu.

Do đó, nay bà Huỳnh Thị R khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 09/9/2019 cho Hội Miếu An Đ tại thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m².

Tại văn bản số 3216/UBND-NC ngày 22/11/2021, người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện M trình bày:

Phần đất thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của ông Lê Văn V chuyển nhượng cho em ruột ông Lê Văn L2 và ông L2 đã hiến để lập Miếu đến nay đã trên 80 năm, người đứng ra xây miếu là ông Hội đồng Đài và làm Hội trưởng Hội Miếu (ông L2 là ông nội bà T1, bà T1 là mẹ của bà Huỳnh Thị R).

Năm 1995, đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã An Định, trên hồ sơ địa chính thể hiện là Miếu, thuộc thửa 1102, tờ bản đồ 3, diện tích 3000m². Năm 2009, bà R làm đơn yêu cầu nhận lại phần đất Miếu nêu trên vì bà R cho rằng đất Miếu là của gia đình bà. Tại buổi hòa giải ấp Phú Lợi Thượng ngày 02/11/2009 bà R cũng đã đồng ý đây là đất Miếu và bà thỏa thuận cho bà tạm thời thu hoạch hoa lợi từ những cây trồng trên đất của Hội Miếu có sự chứng kiến của các thành viên tổ hòa giải và bà R. Đồng thời, sau cuộc hòa giải giữa bà R và đại diện Hội Miếu do ông Võ Văn P đã làm từ cam kết thực hiện thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành ngày 02/11/2009 của Tổ hòa giải ấp Phú Lợi Thượng.

Ngày 03/6/2015, bà R có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất Miếu nêu trên. Nội dung đơn của bà R đã được Ủy ban nhân dân xã An Định ban hành Công văn số 306/UBND-ĐCXD ngày 18/8/2015 về việc trả lời đơn của bà R, cụ thể: Việc bà R xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân không thể xem xét giải quyết. Không đồng ý nội dung công văn bà R tiếp tục khiếu nại.

Ngày 31/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Định ban hành Quyết định số 345/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị R (lần đầu nội dung giữ nguyên công văn số 360/UBND-ĐCXĐ ngày 18/8/2015 của Ủy ban nhân dân xã An Định, bà R tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện M.

Ngày 02/3/2016 Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 789/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị R (lần 2), nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Chủ tịch UBND xã An Định về việc giải quyết khiếu nại của bà R (lần đầu) là đúng. Yêu cầu bà Huỳnh Thị R, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 13/11/2015 của Chủ tịch UBND xã An Định. Sau đó bà R khiếu kiện hành chính đối với Quyết định của Chủ tịch UBND huyện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 24/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có Quyết định số 05/2017/QĐST-HC về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính và quyết định đã có hiệu lực thi hành.

Ngày 27/3/2019 Miếu An Đ có đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² (theo đo đạc chính quy) và được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu An Đ vào ngày 09/9/2019 là phù hợp và đúng quy định tại điểm d, Khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những căn cứ nêu trên, UBND huyện M đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 09/9/2019 cho Hội Miếu An Đ tại thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Miếu An Đ do ông Võ Văn P đại diện trình bày:

Miếu An Đ đã được hình thành từ rất lâu, trên 100 năm và người đứng ra lập Miếu là ông Lê Phú Đài ở ấp P, xã A, huyện M, giờ còn cháu nội là Lê Phú Hòa. Trước đây Miếu không có đất thì ông Lê Văn V1 hiến cho làm Miếu, diện tích 2080m² xây được bao nhiêu số còn lại trồng hoa màu để hương khói cho Miếu.

Quản lý Miếu là con của ông V1 là Lê Văn N1 quản lý rất lâu, đến năm 1975 ông giao lại cho Huỳnh Văn L2 chăm sóc thay ông vì ông tuổi cao. Lời trình bày của bà R là hoàn toàn sai sự thật. Gia đình bà R có 07 anh chị em nhưng lại trình bày là 04 người: Lê Văn Á, Lê Thị N, Lê Văn L, Lê Văn Đ, Lê Thị R1, Huỳnh Thị R2, Huỳnh Thị R. Do đó, ông không đồng ý với lời trình bày của bà Huỳnh Thị R, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, bà Huỳnh Thị R2 có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Đệ N trình bày: Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện là bà Huỳnh Thị R.

Tại Bản án số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho Hội Miếu An Đ tại thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² tọa lạc tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 17/5/2022, người khởi kiện – bà Huỳnh Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, bà Huỳnh Thị R2 kháng cáo toàn bộ bản án số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Văn Đệ N đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện – bà Huỳnh Thị R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị R1, Lê Thị N, Huỳnh Thị R2 trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để cho giám định chữ ký của bà R tại “Biên bản hòa giải” ngày 02/11/2009, vì bà R không ký vào biên bản này; ngoài ra phần tài sản trên đất xung quanh Miếu do bà T1 trồng và có mộ của ông bà cha mẹ của bà R ngoài ra còn một người nữa là bà Huỳnh Thị Nhã đang có nhà ở trên đất nhưng chưa được đưa vào tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị R, bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, Huỳnh Thị R2, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu An Đ là đúng pháp luật. Trước khi Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu An Đ thì bà Huỳnh Thị R có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Do không được chấp nhận nên bà R đã khiếu nại đến Ủy ban, sau đó là khiếu kiện tại Tòa án. Do bà R rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án và Quyết định đình chỉ đã có hiệu lực pháp luật.

Tại phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị R, bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2 và bà Huỳnh Thị R2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, bà Ren, bà N2, bà R2 hủy bản án sơ thẩm (các lý do như đã trình bày tại yêu cầu kháng cáo nêu trên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận: Ủy ban nhân dân huyện M vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm chủ tọa, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho Miếu An Đ là đúng trình tự, thủ tục và nội dung theo qui định của pháp luật đất đai. Bản án sơ thẩm đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bà R cáo yêu cầu dừng phiên tòa để cho giám định chữ ký của bà R tại “Biên bản hòa giải” ngày 02/11/2009. Xét thấy, việc giám định chữ ký của bà R tại “Biên bản hòa giải ” ngày 02/11/2009 là không cần thiết vì đây không phải là chứng cứ duy nhất, không làm thay đổi bản chất vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị R, bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2 và bà Huỳnh Thị R2, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện – bà Huỳnh Thị R hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện M và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan -Miếu An Đ vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt), bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho Miếu An Đ. Xét, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3; Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.Vụ án hành chính vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[4]. Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị R đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1].Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất: Việc Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số CH 07679 ngày 11/05/2007 cho Miếu An Đ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai.

[4.2]. Về nội dung:

[4.2.1]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất tranh chấp thể hiện: Phần đất diện tích 3.000m² thuộc thửa 1102, tờ bản đồ số 3 (theo dự án Vlap hiện nay là thửa 223, tờ bản đồ 12, diện tích 2.678,4 m²) có nguồn gốc của ông Lê Văn V hiến để xây Miếu và làm thổ mộ. Miếu hiện đã được xây dựng trên 80 năm do Hội đồng Đai lập và làm Hội trưởng, phần đất này ông V1 quản lý. Sau đó ông V1 giao lại cho con là ông Lê Văn N1 trông coi. Sau giải phóng, ông N1 đến nơi khác sinh sống nên ông Huỳnh Văn L2 là chồng bà Lê Thị T1 (bà T1 là mẹ của bà Huỳnh Thị R) trông coi quản lý và đốt nhang cho Miếu. Trong quá trình trông coi Miếu, ông L2 có khai phá và trồng dừa xung quanh để hưởng huê lợi. Sau đó bà T1 và bà R tiếp tục hưởng huê lợi từ những cây trồng trên đất như bà R trình bày. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre lập ngày 12/01/2022 thể hiện trên đất còn có mộ của nhiều người khác nhau từ xưa đến nay, trong đó có những ngôi mộ của người nhà bà Huỳnh Thị R được chôn cất trên phần đất này.

[4.2.2]. Bà Huỳnh Thị R cho rằng mẹ bà là bà T1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế đối với thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, bà R không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T1 đã đóng thuế sử dụng đất đối với thửa 1102 trên hồ sơ địa chính ghi là đất Miếu. Xét lời khai của phía người bị kiện, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thể hiện: Năm 1995, khi đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T1 kê khai đăng ký và đứng tên hồ sơ địa chính phần đất mà bà đang quản lý sử dụng thuộc thửa 1089, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.500 m² và bà T1 đã đóng phí đo đạc, nộp thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế nông nghiệp từ năm 1992 đến năm 1998. Riêng thửa 1102 trên hồ sơ địa chính ghi là đất Miếu, gia đình bà R không thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Tại xác nhận nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã An Định xác nhận cho Hội Miếu trong quá trình Hội Miếu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện “Đất Miếu An Đ được - xây dựng từ năm 1930 đến nay, sử dụng ổn định”.

[4.2.3]. Mặt khác, trước khi Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu An Đ thì ngày 03/6/2015 bà Huỳnh Thị R có đơn yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 18/8/2015, Ủy ban nhân dân xã An Định có Công văn số 360/UBND-ĐCXD, nội dung không đồng ý đối với yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R. Sau đó bà R khiếu nại, tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1) của Ủy ban nhân dân xã An Định và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) của Ủy ban nhân dân huyện M đều không chấp nhận khiếu nại của bà R. Bà R không đồng ý nên đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Ngày 24/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 05/2017/QĐST- HC đình chỉ giải quyết vụ án do bà R rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

[4.2.4]. Từ những cơ sở trên, xét thấy ý kiến của phía bà R cho rằng nguồn gốc đất Miếu của gia đình bà và bà có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài đủ

điều kiện cấp giấy nhưng UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Miếu An Đ là không có cơ sở.

[5]. Về việc người đại diện hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử dừng phiên tòa cho giám định chữ ký của bà Huỳnh Thị R tại “ Biên bản hòa giải” ngày 02/11/2009 của Tổ hòa giải ấp Phú Lợi Thương - Xã An Định vì cho rằng bà R không ký vào biên bản hòa giải này. Xét thấy, việc xem xét đánh giá chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp để xác định việc khiếu kiện của bà R có cơ sở hay không là căn cứ trên hồ sơ địa chính (lập năm 1995), người đứng tên trên hồ sơ địa chính cũng như quá trình kê khai đăng ký và nộp thuế sử dụng đất. Đối với “Biên bản hòa giải” ngày 02/11/2009, trong đó có thể hiện Tổ hòa giải ghi nhận ý kiến của bà Huỳnh Thị R về việc bà xin Hội Miếu một phần đất để bà làm chủ, làm nơi chôn cất cho phần mộ của gia đình cũng là một trong những tài liệu để Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, tài liệu này không phải là chứng cứ duy nhất để xác định việc khiếu kiện của bà R là có cơ sở hay không. Do đó, việc giám định chữ ký của bà R trong tài liệu này là không cần thiết vì kết quả thế nào cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án này. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm phía bà R cũng không đặt ra yêu cầu giám định đối với tài liệu này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu dừng phiên tòa để giám định chữ ký của bà R.

[6]. Về việc người đại diện hợp pháp của bà R đưa ra lý do khác để yêu cầu hủy án sơ thẩm như trên đất Miếu còn có người khác đang ở nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng. Xét thấy, ý kiến trên của người đại diện hợp pháp của bà R là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Trong trường hợp có người đang ở trên đất của Hội Miếu sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7]. Từ sự phân tích tại mục [4] đến mục [6], có cơ sở xác định, việc Ủy ban nhân dân huyện huyện Mỏ Cày Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho Hội Miếu An Đ tại thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² tọa lạc tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đúng quy định tại Khoản 5 Điều 100; Khoản 4 Điều 102 Luật đất đai 2013. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R là đúng pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà R, bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, Huỳnh Thị R2 không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, cụ thể: Bà

Huỳnh Thị R và bà Huỳnh Thị R2 mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ. Bà Lê Thị R1 và bà Lê Thị N2 thuộc trường hợp người cao tuổi được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[10]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 100, khoản 4 Điều 102 Luật đất đai 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị R, bà Lê Thị R1, bà Lê Thị N2, Huỳnh Thị R2.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 20/2022/HC-ST ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị R về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 07679 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 09 tháng 9 năm 2019 cho Hội Miếu An Đ tại thửa 528, tờ bản đồ số 12, diện tích 2080,5m² tọa lạc tại xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2.2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị R phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0000938 ngày 18/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, bà R đã nộp xong.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị R tự nguyện chịu và đã quyết toán xong.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị R và bà Huỳnh Thị R2 mỗi người phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ. Bà Huỳnh Thị R được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ do bà C nộp thay bà R theo Biên lai thu số 000308 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà Huỳnh Thị R2 được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ do bà C nộp thay bà R2 theo Biên lai thu số 0008309 ngày 25/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến. Sau khi căn trừ, bà R và bà R2 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Lê Thị R1 và bà Lê Thị N2 thuộc trường hợp người cao tuổi được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (1);
- TAND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 25b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa